

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/KDTM-PT

Ngày 12 - 01 - 2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương và bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLPT- KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐT và phát triển Việt Nam (BV); địa chỉ: Tháp BV, số 194 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Cù Minh Tr, chức vụ: Phó Giám đốc ngân hàng TMCP ĐT và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định; (có mặt).

- Ông Trần Bảo Ch, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Hạ Long, (có mặt).

- Ông Ngô Duy V- Chuyên viên phòng giao dịch Hạ Long; (có mặt).

Địa chỉ: Số 202, đường HV, phường ND, tỉnh Ninh Bình; (Văn bản ủy quyền số 1251/GUQ-BV-ND ngày 01/8/2025).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: xóm TC, xã HQ, tỉnh Ninh Bình; (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị D, sinh năm 1978; địa chỉ: xóm TC, xã HQ, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị D: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: xóm TC, xã HQ, tỉnh Ninh Bình, (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2025); (có mặt).

- Công ty TNHH thương mại và xây dựng NT; địa chỉ: Tổ dân phố số 9, xã HT, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân H, chức vụ: Giám đốc Công ty; (có mặt).

- Tổng Công ty BHBV; địa chỉ: Số 8 LTT, phường HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng T, chức vụ: Quyền Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Quang H, chức vụ: Phó trưởng phòng hỗ trợ kinh doanh - Công ty BVND; (có mặt).

+ Bà Đỗ Phương A - Phó Ban pháp chế và Kiểm tra nội bộ; (vắng mặt)

+ Bà Đỗ Minh A - Chuyên viên Ban pháp chế và Kiểm tra nội bộ; (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Quang H - Chuyên viên Ban Giám định bồi thường hàng hải; (vắng mặt).

+ Ông Phạm Đức A - Phụ trách phòng bảo hiểm số 4, Công ty BVND. (vắng mặt); (văn bản ủy quyền số 7342/UQ-BHBV ngày 30/7/2025).

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH thương mại và xây dựng NT là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI D V U ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP ĐT và phát triển Việt Nam (viết tắt ngân hàng BV) trình bày:

Ngày 24/8/2015 Ngân hàng BV đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7711231/ HĐTD với ông Nguyễn Văn T. Nội D hợp đồng: Ngân hàng BV cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền là 13.570.000.000 đồng (mười ba tỷ, năm trăm bảy mươi triệu đồng); mục đích vay để đóng tàu vỏ sắt đánh bắt cá theo Nghị định số 67/CP của Chính phủ; lãi suất 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, lãi trả hàng tháng; thời hạn vay 11 năm, nợ gốc trả theo kỳ. Ngày 17/4/2017 BV và ông T ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng với nội D điều chỉnh lại số tiền vay là 13.212.002.000 đồng; thời hạn vay là 16 năm.

Cùng ngày 24/8/2015 BV và ông T, bà D đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/7711231/HĐBĐ với nội D: Để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng ông T, bà D tự nguyện thế chấp cho BV bằng chính con tàu hình thành từ vốn vay (số đăng ký ND - 95866-TS) và trang thiết bị, ngư lưới cụ trang bị trên tàu. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng ngày 24/8/2015; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/9/2015.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng BV đã giải ngân nhiều lần theo tiến độ thi công cho đơn vị thi công và đơn vị cung cấp trang thiết bị theo đề nghị thanh toán

của ông Nguyễn Văn T. Tổng số tiền BV đã giải ngân cho ông T để chi trả tiền đóng mới tàu vỏ sắt là 13.212.002.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 05/5/2021 ông Nguyễn Văn T đã trả được 1.263.002.000 đồng tiền vay gốc; tính đến ngày 19/7/2018 đã trả được tổng số tiền lãi là 218.485.345 đồng. Kể từ đó ông T không tiếp tục trả nợ gốc và nợ lãi cho BV.

Tháng 07/2018 tàu của ông T, bà D đang khai thác đánh bắt cá tại ngoài khơi vùng biển tỉnh Thanh Hoá thì gặp bão nên bị đắm. Ông T đã gửi thông tin vụ việc đến Ngân hàng BV và các cơ quan liên quan trong đó có đơn vị bảo hiểm tàu, Bộ đội biên phòng Cảng HT. Căn cứ Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết, Công ty Bảo hiểm quyết định cho trục vớt tàu để sửa chữa; toàn bộ chi phí trục vớt do Công ty Bảo hiểm thanh toán. Ngoài ra, Công ty Bảo hiểm đã thanh toán một phần chi phí sửa chữa tàu cho bên sửa chữa tàu là Công ty NT. Sau khi sửa chữa, do ông T không cung cấp được đầy đủ hóa đơn chứng từ theo yêu cầu của Bảo hiểm, nên Bảo hiểm ngừng chi trả, bản thân ông T cũng không trả tiền nên Công ty NT đã tạm giữ tàu, không bàn giao cho ông T để ông T đưa vào hoạt động. Năm 2020 Công ty NT đã khởi kiện đòi nợ tiền sửa chữa tàu đối với ông T. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 04/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cũ, đã quyết định buộc ông T phải trả cho Công ty NT số tiền nợ từ Hợp đồng sửa chữa tàu tổng cộng là 5.401.388.154đ.

Nay Ngân hàng BV yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng BV số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 17.076.091.735đồng. (trong đó: Nợ gốc là 11.949.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 2.440.641.045đồng, lãi quá hạn là 2.181.402.040đồng; phạt chậm trả 505.048.650đồng và toàn bộ nợ lãi phát sinh kể từ ngày 23/8/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong các khoản nợ.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng BV, Ngân hàng BV có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là tàu cá đăng ký số ND - 95866-TS và trang thiết bị, ngư lưới cụ trang bị trên tàu để thu hồi nợ.

3. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên không đủ để thu hồi nợ, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị D phải dùng toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của mình để thanh toán khoản nợ còn lại sau khi đã xử lý tài sản bảo đảm.

4. Do tàu cá đăng ký số ND-95866-TS đang do Công ty NT quản lý nên đề nghị Toà án buộc Công ty NT phải bàn giao tàu cá đăng ký số ND-95866-TS cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý khi BV yêu cầu thi hành án.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị D (là vợ) trình bày:

Năm 2015 ông T ký Hợp đồng tín dụng vay của BV số tiền là 13.570.000.000đồng (mười ba tỷ năm trăm bảy mươi triệu đồng) để đóng mới tàu vỏ sắt đánh bắt cá theo Nghị định số 67/CP của Chính phủ. Lãi suất vay, thời hạn vay, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi như Ngân hàng BV đã trình bày thể hiện trong Hợp đồng tín dụng. Khoản vay được thế chấp bằng chính tàu đang đóng số ND-95866-TS và trang thiết bị, ngư lưới cụ trang bị trên tàu vỏ thép. Ngân hàng BV đã giải ngân đủ tiền vay để hoàn thiện con tàu bằng việc chuyển khoản trực tiếp cho Công ty đóng tàu và bên bán ngư lưới cụ.

Sau khi hoàn thành, ông T đưa tàu vào khai thác thủy sản trên biển. Việc trả nợ lãi hàng tháng, trả nợ gốc theo kỳ cho Ngân hàng BV như BV đã kê khai. Năm 2018 tàu cá của ông T bị đắm tại vùng biển tỉnh Thanh Hoá, nên việc khai thác bị gián đoạn. Ông T cùng các bên liên quan thống nhất trực vớt tàu để sửa chữa tại Công ty NT. Trước khi sửa chữa, ông T đã thông báo với Ngân hàng BV và Công ty BVND, được các bên đồng ý cho sửa chữa. Ông T đã ký hợp đồng sửa chữa tàu với Công ty NT. Trong quá trình sửa chữa, tiến độ và chi phí sửa chữa đều báo cáo với Công ty Bảo hiểm và có Công ty thẩm định giá do Công ty bảo hiểm thuê giám sát.

Theo Hợp đồng kinh tế số 06/HĐĐT/TM-NT.2018 ngày 05/10/2018 thì giá trị sửa chữa tàu là 4.573.151.154 đồng (bốn tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu, một trăm năm mươi một nghìn, một trăm năm mươi tư đồng). Khối lượng thực tế phát sinh sẽ được nghiệm thu giữa hai bên.

Trong quá trình trực vớt tàu và sửa chữa, Công ty BVND đã thanh toán chi phí trực vớt là 1.500.000.000đồng, thanh toán tiền sửa chữa cho Công ty NT và tiền thay máy mới cho Công ty bán máy có cơ sở ở thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu. Ông T không nhớ tổng số tiền Công ty BVND đã thanh toán bao nhiêu.

Do Công ty BVND chưa thanh toán đủ tiền sửa chữa cho Công ty NT, chưa thanh toán đủ tiền cho Công ty bán máy mới, nên Công ty NT khởi kiện vợ chồng ông T ra Tòa án. Tại Tòa án, vợ chồng ông T, bà D và Công ty NT đã thoả thuận ông T, bà D còn nợ Công ty NT tiền sửa chữa tàu cá và chi phí liên quan tổng số tiền là 5.401.388.605 đồng. Mặc dù công nhận số nợ, nhưng do chưa thanh toán tiền, nên Công ty NT chưa bàn giao tàu cho ông T để đưa vào khai thác thủy sản, hiện nay tàu vẫn đang nằm tại xưởng của Công ty NT, tại địa chỉ: tổ dân phố số 9, thị trấn Thịnh Long nay là xã HT.

Do làm ăn thua lỗ, không có khả năng thanh toán nhiều khoản nợ lớn, nên ông T đề nghị Ngân hàng BV dừng tính lãi từ tháng 07 năm 2018 (tàu bị đắm) đến nay. Yêu cầu Công ty BVND bồi thường số tiền sửa chữa còn lại cho Công ty NT để ông T lấy lại tàu đưa vào khai thác thủy sản, lấy tiền trả nợ hoặc đề nghị Công ty NT giao tàu cho Ngân hàng BV bán thu nợ, yêu cầu Công ty NT không tính tiền lưu đà (tiền thuê bãi) và tiền lãi chậm thanh toán.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Thương mại và xây dựng NT trình bày:

Ngày 05/10/2018 Công ty TNHH Thương mại và xây dựng NT (gọi tắt là Công ty NT) và ông Nguyễn Văn T ký Hợp đồng kinh tế số 06/HĐĐT/TM-NT.2018 với nội dung Công ty NT đồng ý thi công sửa chữa cho ông Nguyễn Văn T 01 tàu cá nghề lưới rê có ký hiệu thiết kế là SLR.27D, số đăng ký ND-95866.TS theo các hạng mục đã được hai bên khảo sát.

Sau khi thực hiện hợp đồng, ông T được Công ty bảo hiểm tàu cá thanh toán một phần chi phí sửa chữa và còn nợ một phần chi phí sửa chữa theo hợp đồng. Công ty NT đã yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu nhiều lần, nhưng ông Nguyễn Văn T và Công ty Bảo hiểm không thực hiện. Công ty NT đã khởi kiện ông T, bà D đến Tòa án để đòi nợ số tiền sửa chữa tàu cá còn lại. Tại Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 04/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định đã quyết định: Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và xây dựng NT tổng số tiền còn nợ từ hợp đồng sửa chữa tàu và các khoản chi phí liên quan tổng cộng là 5.401.388.605 đồng (trong đó: Nợ gốc theo hợp đồng sửa chữa là 3.386.318.154 đồng; nợ lãi tính đến ngày 18/01/2020 do chậm thực hiện hợp đồng là 395.070.451 đồng và tiền phí lưu đà là 1.620.000.000 đồng).

Nhưng đến nay, ông T, bà D chưa thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty NT, nên Công ty NT chưa bàn giao tàu cá cho ông T đưa vào sử dụng. Hiện tại tàu cá số đăng ký ND-95866.TS đang được cầm giữ tại trụ sở Công ty NT, tại Tổ dân phố số 9, xã HT, tỉnh Ninh Bình. Công ty NT yêu cầu ông T, bà D phải thanh toán xong số tiền còn nợ cho Công ty NT tính đến ngày 04/6/2024, tổng cộng là 9.950.248.605đ (bao gồm nghĩa vụ theo Quyết định công nhận của Tòa án, tiền phí lưu đà và lãi do chậm thanh toán). Nếu ông Nguyễn Văn T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì Công ty NT sẽ đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại tàu cá số đăng ký ND-95866.TS để thi hành Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Khi nào ông T, bà D thanh toán xong nợ cho Công ty NT, thì Công ty NT sẽ bàn giao tàu cá cho ông T hoặc cho bên nhận thế chấp tàu cá (BV).

Tại văn bản số 4036/BHBV-KSTT-PC ngày 29/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty BHBV trình bày:

Công ty BVND là Công ty thành viên của Tổng Công ty BHBV, là đơn vị hạch toán phụ thuộc. Công ty BVND có ký hợp đồng bảo hiểm số 1456892 ngày 22/12/2017 với ông Nguyễn Văn T để bảo hiểm cho tàu cá đăng ký số ND - 95866-TS. Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu Ngư lưới cụ, trang thiết bị đánh bắt thủy sản trên tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ.

Ngày 21/7/2018, tàu cá đăng ký số ND-95866-TS tên ông Nguyễn Văn T bị chìm trên biển. Sau khi chủ tàu thông báo cho Công ty Bảo Việt, đơn vị bảo hiểm đã đồng ý để chủ tàu trực vớt sửa chữa. Việc sửa chữa do ông Nguyễn Văn

T ký hợp đồng với Công ty NT. Công ty Bảo Việt đã tạm ứng chi phí trục vớt tàu và chi phí sửa chữa tàu vào tài khoản của ông T, tổng cộng là 3.420.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 26/09/2018, BHBV tiến hành tạm ứng lần 01 cho chủ tàu Nguyễn Văn T số tiền là 1.420.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm hai mươi triệu đồng) để phục vụ chi trả chi phí trục vớt lai kéo tàu lên đà sửa chữa tại Nam Định.

- Ngày 28/01/2019, BHBV tiến hành tạm ứng lần 02 cho chủ tàu Nguyễn Văn T số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) để phục vụ chi trả, chi phí sửa chữa tại Nam Định.

Ngân hàng BV khởi kiện ông T, Công ty BHBV (BHBV) có ý kiến như sau: Đối chiếu với các quy định của Hợp đồng bảo hiểm, mặc dù BHBV đã trao đổi hướng dẫn, yêu cầu nhưng cho tới thời điểm hiện nay chủ tàu ND-95866-TS là ông Nguyễn Văn T vẫn chưa cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ liên quan chứng minh cho các chi phí khắc phục sự cố theo dự toán/quyết toán sửa chữa của chủ tàu và xưởng sửa chữa. Căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm, BHBV chưa có cơ sở giải quyết dứt điểm yêu cầu bồi thường của ông Nguyễn Văn T do người được bảo hiểm chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ khiếu nại, hóa đơn chứng từ.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, đòi Công ty bảo hiểm bồi thường tổn thất do ngư lưới cụ trên tàu cá ND-95866-TS bị mất do chìm trên biển, thì căn cứ quy tắc bảo hiểm thân tàu cá tham gia theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP và toàn bộ hồ sơ vụ việc liên quan, tổn thất chìm đắm tàu ND-95866-TS được xác định là tổn thất bộ phận, nên chi phí mua ngư lưới cụ do tổn thất chìm đắm tàu cá ND-95866-TS ngày 21/7/2018 không thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

Nay Công ty bảo hiểm đề nghị ông Nguyễn Văn T, Công ty NT cùng phối hợp cung cấp toàn bộ hoá đơn, chứng từ cho toàn bộ thiệt hại của tàu cá ND-95866-TS, để Công ty Bảo hiểm giải quyết số tiền dự kiến chi trả còn lại. Việc Ngân hàng BV khởi kiện ông T về hợp đồng tín dụng, Công ty Bảo hiểm không ý kiến đề nghị gì.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình đã Quyết định:

Căn cứ vào các Điều 299, Điều 307, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố T dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐT và phát triển Việt Nam (BV) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Văn T.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐT và phát triển Việt Nam, tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/8/2025 là 17.076.091.735 đồng

(Mười bảy tỷ, không trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng); trong đó: Nợ gốc là 11.949.000.000đồng (Mười một tỷ, chín trăm bốn mươi chín triệu đồng); nợ lãi trong hạn là 2.440.641.045đ (Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng), lãi quá hạn là 2.181.402.040 đồng (Hai tỷ, một trăm tám mươi một triệu, bốn trăm linh hai nghìn, không trăm bốn mươi đồng); lãi phạt trả chậm 505.048.650đồng (Năm trăm linh lăm triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày 23/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7711231/HĐTD và văn bản ký bổ sung ngày 17/4/2017 giữa ông Nguyễn Văn T và Ngân hàng BV.

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn T không trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng BV được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Tàu cá đăng ký số ND-95866-TS và trang thiết bị ngư lưới cụ trang bị trên con tàu (nếu có) để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị D phải dùng toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của mình để thanh toán khoản nợ còn lại cho Ngân hàng BV.

4. Buộc Công ty NT phải bàn giao Tàu cá đăng ký số ND-95866 -TS cho Cơ quan có thẩm quyền khi BV yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/7711231/HĐBĐ ngày 24/8/2015 giữa BV và ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 22/9/2025 Công ty TNHH Thương Mại và xây dựng NT, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa một phần bản án số 02/2025/KDTM-ST ngày 22/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình. Buộc BV Chi nhánh Nam Định thanh toán cho Công ty NT số tiền là 9.950.248.605 đồng về chi phí sửa chữa tàu cá ND-95866-TS; Buộc Tổng Công ty BHBV liên đới cùng BV thanh toán số tiền trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngân hàng BV vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty NT, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, hiện nay gia đình ông khó khăn, không đủ khả năng để thanh toán nợ cho Ngân hàng BV và tiền nợ sửa chữa tàu tại Công ty NT. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty NT vẫn giữ nguyên nội D yêu cầu kháng cáo; Tổng Công ty BHBV không nhất trí kháng cáo của Công ty NT yêu cầu Tổng công ty BHBV phải liên đới cùng Ngân hàng BV trả số tiền cho Công ty NT, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không ai giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố T trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố T dân sự; những người tham gia tố T đều chấp hành, thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố T dân sự, quyền lợi của các đương sự được đảm bảo; Đơn kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định, nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử cấp phúc thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; xét yêu cầu kháng cáo của Công ty NT đề nghị Tòa án phúc thẩm buộc Ngân hàng BV thanh toán cho Công ty NT số tiền là 9.950.248.605 đồng về chi phí sửa chữa tàu cá ND-95866-TS và buộc Tổng Công ty BHBV liên đới cùng BV trong việc thanh toán số tiền trên là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố T dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty NT. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình; Về án phí phúc thẩm: đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh T tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố T:

[1.1] Đơn kháng cáo của Công ty NT làm trong thời hạn luật định; hình thức, nội D đơn kháng cáo, đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố T dân sự. Vì vậy, đơn kháng cáo hợp lệ chấp nhận, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Công ty NT là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm. Do đó, căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố T dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo nội D đơn kháng cáo của người kháng cáo.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Ngân hàng BV và ông Nguyễn Văn T đều thừa nhận: ngày 24/8/2015 Ngân hàng BV chi nhánh Nam Định và ông Nguyễn Văn T đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7711231/HĐTD, ông T vay số tiền là 13.570.000.000 đồng (mười ba tỷ, năm trăm bảy mươi triệu đồng); mục đích vay để đóng tàu vỏ sắt đánh bắt cá theo Nghị định số 67/CP của Chính phủ; lãi suất 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, lãi trả hàng tháng; thời hạn vay 11 năm, nợ gốc trả theo kỳ. BV và ông T đã nhiều lần ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng. Ngày 17/4/2017 Ngân hàng BV và ông T ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng với nội dung điều chỉnh lại số tiền vay là 13.212.002.000 đồng (mười ba tỷ, hai trăm mười hai triệu, không trăm linh hai nghìn đồng); thời hạn vay là 16 năm.

Ngày 24/8/2015 BV và ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị D (vợ ông T) đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/7711231/HĐBĐ với nội dung: Để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng ông T, bà D tự nguyện thế chấp cho BV bằng chính con tàu hình thành từ vốn vay (số đăng ký ND-95866-TS) và trang thiết bị, ngư lưới cụ trang bị trên tàu. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng ngày 24/8/2015; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/9/2015. Ngày 15/11/2020 BV và ông T, bà D đã ký Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/7711231/HĐBĐ.

Ngày 18/7/2015 ông T và Công ty TNHH đóng tàu Trung Bộ đã ký hợp đồng kinh tế số 09/2015/HĐKT về việc đóng mới tàu cá lưới rê vỏ thép.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng BV đã giải ngân nhiều lần theo tiến độ thi công cho đơn vị thi công và đơn vị cung cấp trang thiết bị theo đề nghị thanh toán của ông Nguyễn Văn T. Tổng số tiền BV đã giải ngân cho ông T để chi trả tiền đóng mới tàu vỏ sắt là 13.212.002.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 05/5/2021 ông Nguyễn Văn T đã trả được 1.263.002.000 đồng tiền vay gốc; tính đến ngày 19/7/2018 đã trả được số tiền lãi là 218.485.345 đồng, từ đó đến nay ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng, văn bản kèm theo có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan; mục đích không trái đạo đức xã hội; hình thức và nội D phù hợp quy định của pháp luật, nên hợp đồng tín dụng và văn bản ký bổ sung trên là hợp pháp, các bên đã tự nguyện ký kết đều phải có nghĩa vụ thực hiện theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự.

Do ông Nguyễn Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, căn cứ theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng tín dụng; các Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP TANDTC ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy

định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐT và phát triển Việt Nam (BV), buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng BV tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại tính đến ngày 22/8/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7711231/HĐTD và văn bản bổ sung ngày 17/4/2017 số tiền là 17.076.091.735đồng; trong đó: nợ gốc là 11.949.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 2.440.641.045đồng; lãi quá hạn là 2.181.402.040đồng; phạt chậm trả 505.048.650đồng và kể từ ngày 23/8/2025 ngoài nợ gốc, ông Nguyễn Văn T còn phải thanh toán cho Ngân hàng BV tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc với các mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là có căn cứ phù hợp đúng quy định pháp luật.

[2.2] Tài sản đảm bảo: Căn cứ theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7711231/HĐTD và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/7711231/HĐBĐ ngày 24/8/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2020/7711231/SĐBS ngày 15/11/2020 ký giữa BV và ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị D thì tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm tàu hình thành từ vốn vay số đăng ký ND-95866-TS và trang thiết bị, ngư lưới cụ trang bị trên con tàu vỏ thép đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/9/2015. Ông T, bà D nhất trí dùng toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của ông T đối với Ngân hàng BV phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng.

Xét các thỏa thuận về thế chấp tài sản mà các bên đã ký kết có nội D, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 298 của Bộ luật Dân sự. Nên trường hợp ông Nguyễn Văn T không trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng BV được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Tàu cá đăng ký số ND-95866-TS và trang thiết bị, ngư lưới cụ trang bị trên con tàu (nếu có) để thu hồi nợ; trường hợp tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng BV có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành đối với các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của Ngân hàng BV là có căn cứ.

Do tàu cá ND-95866-TS đang do Công ty NT quản lý, nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc Công ty NT phải bàn giao tàu cá đăng ký số ND-95866-TS cho Cơ quan có thẩm quyền khi Ngân hàng BV yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/7711231/HĐBĐ ngày 24/8/2015 giữa Ngân hàng BV và ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị D là phù hợp đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của Công ty NT yêu cầu buộc BV Chi nhánh Nam Định thanh toán cho Công ty NT số tiền 9.950.248.605đồng về chi phí sửa chữa tàu cá ND-95866-TS và buộc Tổng Công ty BHBV liên đới cùng BV trong việc thanh toán số tiền trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi ông T đưa tàu vào khai thác thủy sản trên biển, năm 2018 tàu cá của ông T bị đắm tại vùng biển tỉnh Thanh Hoá. Ông T cùng các bên liên quan thống nhất trục vớt tàu để sửa chữa tại Công ty NT. Việc sửa chữa tàu giữa ông T và Công ty NT đã được thực hiện xong. Tuy nhiên, do ông T không thực hiện thanh toán cho Công ty NT theo hợp đồng sửa chữa. Năm 2020 Công ty NT đã khởi kiện đòi tiền sửa chữa tàu đối với ông T, bà D. Tại Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định, các bên đã tự nguyện thỏa thuận, ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả nợ cho Công ty TNHH thương mại và xây dựng NT tổng số tiền là 5.401.388.506 đồng (trong đó các khoản: tiền gốc trong hợp đồng kinh tế còn thiếu là 3.386.318.154 đồng và tiền lãi do chậm trả theo hợp đồng là 395.070.451 đồng và tiền phí lưu đà là 1.620.000.000 đồng). Trên cơ sở sự thỏa thuận của các bên, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (cũ) đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 04/6/2020, trong quyết định chỉ công nhận sự thỏa thuận của các bên về nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ của ông Nguyễn Văn T đối với Công ty NT, không có thỏa thuận nào về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Khi ký hợp đồng kinh tế về việc sửa chữa tàu cá nghề lưới rê số 06/HĐĐT/TM-NT.2008 ngày 05/10/2018 thì ông T và Công ty NT đều biết việc tàu cá ND-95866-TS đã và đang là tài sản thế chấp hợp pháp đảm bảo cho khoản vay của ông T tại Ngân hàng BV. Tuy nhiên, tại Điều 4 của Hợp đồng kinh tế (sửa chữa tàu) có nội dung: “*Công ty NT có thể giữ tàu cho đến khi các khoản thanh toán được thực hiện đầy đủ*” là vi phạm quy định tại khoản 10 Điều 8 Hợp đồng tín dụng giữa ông T và Ngân hàng BV “Bên vay không được dùng tài sản bảo đảm cho Hợp đồng này để thế chấp, cầm cố cho một tổ chức khác khi chưa trả hết nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng này”, vì thời điểm này ông T chưa thực hiện xong Hợp đồng tín dụng, nên tàu cá ND-95866.TS vẫn là tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông T tại Ngân hàng BV.

Giữa Ngân hàng BV với ông T và Công ty NT không có thỏa thuận nào về việc cùng nhận hoặc cùng xử lý tài sản thế chấp khi ông T không thanh toán số tiền sửa chữa tàu. Mặt khác, khi khởi kiện tranh chấp hợp đồng sửa chữa giữa Công ty NT và ông T, thì Công ty NT tự nguyện thỏa thuận chấp nhận để ông T chỉ thanh toán tiền nợ sửa chữa, mà không yêu cầu các bên liên quan như Ngân hàng BV và Công ty BHBV phải có trách nhiệm trong việc sửa chữa tàu, cũng không có điều khoản nào thể hiện về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng thế chấp quy định “Trường hợp ngoài nguồn vốn vay của Ngân hàng, Bên thế chấp còn sử dụng các nguồn tài chính khác để ĐT thêm vào tài sản thế chấp, thì toàn bộ giá trị tài sản do chính bên thế chấp ĐT đó cũng thuộc tài sản thế chấp... Trường hợp tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp, hai bên vẫn chưa định giá lại thì Ngân hàng vẫn được xử lý tài sản thế chấp bao gồm cả phần giá trị đã được ĐT”. Do đó, Công ty NT cho rằng tàu cá sau khi sửa

chữa giá trị cao hơn, đảm bảo tốt hơn cho khoản vay và Ngân hàng BV đã đồng ý cho việc sửa chữa nên không được hưởng lợi từ việc tăng giá trị tài sản thế chấp mà không thanh toán chi phí tương ứng là không có căn cứ.

Tại Hợp đồng kinh tế về việc sửa chữa tàu cá nghề lưới rê số 06/HĐĐT/TM-NT.2008 ngày 05/10/2018 giữa ông T và Công ty NT không có điều khoản nào quy định việc Công ty BHBV phải liên đới thanh toán giá trị hợp đồng trên thay cho ông Nguyễn Văn T.

Như vậy, Công ty NT kháng cáo yêu cầu buộc Ngân hàng BV Chi nhánh Nam Định thanh toán cho Công ty NT số tiền là 9.950.248.605 đồng về chi phí sửa chữa tàu cá ND-95866-TS và buộc Tổng Công ty BHBV liên đới cùng Ngân hàng BV trong việc thanh toán số tiền trên là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty NT không được chấp nhận, nên Công ty NT phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố T dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố T dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại và xây dựng NT. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Thương mại và xây dựng NT phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty TNHH Thương mại và xây dựng NT đã nộp 2.000.000đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001017 ngày 22/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/01/2026).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND khu vực 11 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng GĐKT, TT&THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Dân sự;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Sâm